

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 1283/BC - TĐTĐ - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ II - NĂM 2023

Yên Bái, ngày 28 tháng 07 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		296.038.942.856	278.255.981.949
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	40.386.309.749	90.424.695.231
111	1. Tiền		9.986.309.749	75.424.695.231
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.400.000.000	15.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	62.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	62.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		250.742.766.455	121.759.844.969
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		177.597.632.387	100.398.838.347
132	2. Trả trước cho người bán		50.687.123.828	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.886.476.150	581.848.620
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.840.965.910)	(1.633.341.998)
140	IV. Hàng tồn kho	6	4.275.342.528	4.071.441.749
141	1. Hàng tồn kho		4.275.342.528	4.071.441.749
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		634.524.124	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		73.200.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	561.324.124	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		775.786.930.424	803.390.986.471
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		72.840.625.000	84.046.875.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		72.840.625.000	84.046.875.000
220	II. Tài sản cố định		190.503.489.637	207.208.090.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	174.303.747.648	190.598.138.315
222	- Nguyên giá		1.488.208.167.376	1.485.758.346.457
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.313.904.419.728)	(1.295.160.208.142)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	16.199.741.989	16.609.951.939
228	- Nguyên giá		22.330.322.400	22.330.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.130.580.411)	(5.720.370.461)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.875.712.726	5.797.971.083
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.875.712.726	5.797.971.083
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		503.446.066.764	503.446.066.764
251	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		84.652.890.000	84.652.890.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.121.036.297	2.891.983.370
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.121.036.297	2.891.983.370
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.071.825.873.280	1.081.646.968.420

100
 CỘNG
 ĐÓNG
 HỮU
 PH
 V B

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		36.710.013.674	45.339.353.469
310	I. Nợ ngắn hạn		36.710.013.674	45.339.353.469
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.497.698.211	4.712.624.523
312	2. Người mua trả tiền trước		433.367.517	432.475.059
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	25.550.533.473	26.724.868.859
314	4. Phải trả người lao động		3.673.738.131	8.059.064.109
315	5. Chi phí phải trả	12		-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	2.828.440.226	4.974.745.475
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.726.236.116	435.575.444
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.035.115.859.606	1.036.307.614.951
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	1.035.115.859.606	1.036.307.614.951
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		400.115.859.606	401.307.614.951
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		391.752.785.969	187.108.664.381
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.363.073.637	214.198.950.570
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.071.825.873.280	1.081.646.968.420

04
TY
HÀ
ĐI
C E
1-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế đến 30/06/2023	Lũy kế đến 30/06/2022
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	37.215.113.723	106.097.053.215	157.566.925.041	217.057.041.859
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.215.113.723	106.097.053.215	157.566.925.041	217.057.041.859
11	4. Giá vốn hàng bán	17	25.275.432.079	29.608.219.963	57.889.523.277	59.672.660.883
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.939.681.644	76.488.833.252	99.677.401.764	157.384.380.976
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	4.715.924.598	4.181.414.470	29.714.717.169	7.722.772.649
22	7. Chi phí tài chính	19	-	-	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng					
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.650.653.201	6.079.404.845	12.820.700.047	12.176.442.020
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.004.953.041	74.590.842.877	116.571.418.886	152.930.711.605
31	11. Thu nhập khác	20	631.554.168	380.186.660	846.457.368	563.138.260
32	12. Chi phí khác	21	475.573.931	289.912.373	620.032.127	407.360.625
40	13. Lợi nhuận khác		155.980.237	90.274.287	226.425.241	155.777.635
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.160.933.278	74.681.117.164	116.797.844.127	153.086.489.240

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Lũy kế đến 30/06/2023	Lũy kế đến 30/06/2022
			VND	VND	VND	VND
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.797.859.641	14.973.014.433	18.739.599.472	30.654.088.848
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.363.073.637</u>	<u>59.708.102.731</u>	<u>98.058.244.655</u>	<u>122.432.400.392</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023 VND	30/06/2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		116.797.844.127	153.086.489.240
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		19.825.524.886	19.644.346.480
03	- Các khoản dự phòng		207.623.912	(769.800.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.814.727.573)	(7.722.772.649)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		107.016.265.352	164.238.263.071
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(78.792.458.347)	(43.691.730.982)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(219.415.379)	(214.006.081)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.941.890.996)	1.512.835.511
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		697.747.073	535.603.313
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.176.506.942)	(8.600.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.695.351.000)	(3.217.706.656)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.111.610.239)	110.563.258.176
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(54.445.019.764)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		100.010.404	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(106.640.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		73.206.250.000	51.639.970.822
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		28.449.084.117	6.075.174.332
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		47.310.324.757	(48.924.854.846)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(95.237.100.000)	(63.491.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(95.237.100.000)	(63.491.400.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(50.038.385.482)	(1.852.996.670)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023 VND	30/06/2022 VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		90.424.695.231	74.789.259.982
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>40.386.309.749</u>	<u>72.936.263.312</u>

Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu: 50,94%

- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng tăng giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

1048
CÔNG TY
HẠN
DIỆP
C B
H.T.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả**2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính****2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tăng giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

320
CỔ
CỐ
HỮ
TH
ENB

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	272.965.093	241.100.536
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.713.344.656	75.183.594.695
Các khoản tương đương tiền	30.400.000.000	15.000.000.000
	40.386.309.749	90.424.695.231

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a** Chứng khoán kinh doanh**b** Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**b1** Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn (*)
- Trái phiếu
- Các khoản đầu tư khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	-	-	62.000.000.000	62.000.000.000
	-	-	-	-
	-	-	62.000.000.000	62.000.000.000

b2 Dài hạn

- Đầu tư vào công ty con(**)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(***)
- Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác(****)

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	337.624.176.764	337.624.176.764	337.624.176.764	337.624.176.764
	84.652.890.000	84.652.890.000	84.652.890.000	84.652.890.000
	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
	503.446.066.764	503.446.066.764	503.446.066.764	503.446.066.764

(**) Tại ngày 30/06/2023

- Công ty đang nắm giữ 25.889.270 cổ phần tương đương 50,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum

(***) Tại ngày 30/06/2023

- Theo Nghị Quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49% Vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2023 Công ty đã thực hiện góp vốn với giá trị là 84.652.890.000 đồng.

(****) Tại ngày 30/06/2023

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

5 PHẢI THU KHÁC

a Ngắn hạn	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.455.000.000	-	224.025.254	-
Phải thu về lãi tiền gửi	61.522.603	-	167.531.020	-
Phải thu người lao động	98.467.253	-	97.155.477	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	93.136.869	-
Phải thu khác	271.486.294	-	581.848.620	-
	1.886.476.150		581.848.620	

b Dài hạn**6 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.597.957.350	-	3.628.206.745	-
Công cụ, dụng cụ	342.191.312	-	228.926.046	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	335.193.866	-	214.308.958	-
	4.275.342.528		4.071.441.749	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	561.324.124	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	561.324.124	-

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

95-
 N
 B
 N
 Á
 Y
 B

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	651.554.157.472	807.119.689.374	21.684.040.335	5.283.004.731	117.454.545	1.485.758.346.457
Mua sắm	-	959.308.182	-	-	-	959.308.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	2.175.604.415	-	2.175.604.415
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.300.000)	(645.791.678)	-	-	(685.091.678)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	651.554.157.472	808.039.697.556	21.038.248.657	7.458.609.146	117.454.545	1.488.208.167.376
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	556.718.310.265	717.563.521.208	16.060.215.036	4.716.725.535	101.436.098	1.295.160.208.142
Trích khấu hao	10.184.408.322	8.540.450.779	517.306.980	173.148.855	-	19.415.314.936
Tặng khác	13.988.328	-	-	-	-	13.988.328
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.300.000)	(645.791.678)	-	-	(685.091.678)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	566.916.706.915	726.064.671.987	15.931.730.338	4.889.874.390	101.436.098	1.313.904.419.728
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	94.835.847.207	89.556.168.166	5.623.825.299	566.279.196	16.018.447	190.598.138.315
Tại ngày 30/06/2023	84.637.450.557	81.975.025.569	5.106.518.319	2.568.734.756	16.018.447	174.303.747.648

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>TSCĐ vô hình khác</u> VND	<u>VND</u>
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	20.558.322.400	1.772.000.000	22.330.322.400
Mua sắm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
tăng khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	20.558.322.400	1.772.000.000	22.330.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	5.160.647.758	559.722.703	5.720.370.461
Trích khấu hao	205.576.608	204.633.342	410.209.950
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
tăng khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	5.366.224.366	764.356.045	6.130.580.411
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	15.397.674.642	1.212.277.297	16.609.951.939
Tại ngày 30/06/2023	15.192.098.034	1.007.643.955	16.199.741.989

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	<u>30/06/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	6.152.848.066	3.407.763.107
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	241.972.148	241.972.148
Dự án nâng cấp thiết bị thông gió - NMTĐ Thác Bà	57.775.643	57.775.643
Dự án đầu tư thiết bị nâng hạ cánh phai xả tràn - NMTĐTB	127.777.778	127.777.778
Nâng cấp hệ thống quan trắc đập chính, đập tràn - NMTĐ Thác Bà	1.962.682.407	1.962.682.407
Dự án nâng cấp đường mặt đập chính nhà máy Thủy điện Thác Bà	295.339.091	-
	6.875.712.726	5.797.971.083

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2023</u> VND	<u>Số phải nộp</u> VND	<u>Số đã thực nộp</u> VND	<u>30/06/2023</u> VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.441.176.355	16.231.696.942	13.389.669.189	6.283.204.108
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	18.176.506.941	18.739.599.472	18.176.506.942	18.739.599.471
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.431.420.000	2.431.420.000	-
Thuế Tài nguyên	2.935.909.940	15.828.671.907	18.275.779.256	488.802.591
Thuế Thu nhập cá nhân	2.171.275.623	30.125.474	2.762.725.221	(561.324.124)
Các loại thuế khác	-	523.510.110	484.582.807	38.927.303
	26.724.868.859	53.785.023.905	55.520.683.415	25.550.533.473

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a Ngắn hạn	<u>30/06/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
Chi phí phải trả khác	-	-
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

b	Dài hạn		
13	. PHẢI TRẢ KHÁC		
a	Ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	197.041.749	184.141.749
	Phí dịch vụ Môi trường rừng	2.032.982.568	3.462.440.544
	Phải trả, phải nộp khác	598.415.909	1.328.163.182
		<u>2.828.440.226</u>	<u>4.974.745.475</u>
b	Dài hạn		
c	Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
14	. VỐN CHỦ SỞ HỮU		
a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		

048
TY
IÂN
DIỆ
BÀ
T.VP

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	635.000.000.000	-	-	-	401.307.614.951	1.036.307.614.951
Tại ngày 01/01/2023	635.000.000.000	-	-	-	401.307.614.951	1.036.307.614.951
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	98.058.244.655	98.058.244.655
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác (*)	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	635.000.000.000	-	-	-	400.115.859.606	1.035.115.859.606

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

b) Các quỹ công ty	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
	-	-
15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	128	141
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	34.666.518.009	152.270.828.852
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.548.595.714	5.296.096.189
	37.215.113.723	157.566.925.041
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	24.408.765.551	55.855.910.210
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	866.666.528	2.033.613.067
	25.275.432.079	57.889.523.277
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	3.260.924.598	6.331.505.479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.455.000.000	23.383.211.690
	4.715.924.598	29.714.717.169
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
20 . THU NHẬP KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	102.990.404	102.990.404
- Các khoản khác	528.563.764	743.466.964
	631.554.168	846.457.368
21 . CHI PHÍ KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 2 năm 2023	30/06/2023
	VND	VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	475.573.931	620.032.127
	475.573.931	620.032.127

200
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 THỦY
 ĐIỆN
 THÁC
 BÀ
 YÊN
 BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 2 năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	844.399.230	1.330.836.164
Chi phí nhân công	7.019.320.501	14.661.662.887
Chi phí khấu hao	9.920.214.979	19.825.524.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.036.182.239	2.143.959.403
Chi phí khác	13.053.820.767	32.869.124.892
	31.873.937.716	70.831.108.232

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	316.249.060	470.681.319
Chi phí nhân công	3.266.160.250	6.531.009.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.502.028	1.371.754.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.215.807	1.145.795.834
Chi phí khác bằng tiền	1.717.526.056	3.301.459.838
	6.650.653.201	12.820.700.047

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 2 năm 2023	Lũy kế đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.797.859.641	18.739.599.472
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.797.859.641	18.739.599.472

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Quý 2/2023</u>	<u>Quý 2/2022</u>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	34.666.518.009	101.347.584.906
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	57.547.752.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	28.575.000.000	-
	Thu hồi tiền cho vay		5.603.125.000	5.603.125.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Lãi tiền cho vay Doanh thu khác Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty con	1.756.925.086 45.000.000 150.000.000	2.449.563.442 45.000.000 150.000.000
			-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu khác	Công ty liên kết	54.545.455 60.000.000	40.909.091 66.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty trong cùng tập đoàn	163.636.364	-
			-	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:				
		<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
			VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			170.245.480.136	95.834.596.548
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		Công ty mẹ của cổ đông lớn	170.080.480.136	95.834.596.548
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum		Công ty con	165.000.000	-
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương		Công ty trong cùng tập đoàn	180.000.000	235.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			99.803.318	81.667.615
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum		Công ty con	99.803.318	81.667.615
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2		Công ty liên kết	-	-
		<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
			VND	VND
Phải thu về cho vay			95.253.125.000	106.459.375.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum		Công ty con	95.253.125.000	106.459.375.000
<i>Trong đó:</i>			-	-
- Cho vay dài hạn đến hạn trả			22.412.500.000	22.412.500.000
- Cho vay dài hạn			72.840.625.000	84.046.875.000



27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 2/2023 với Quý 2/2022

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2023 đạt 8.363.073.637 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2022 đạt 59.708.102.731 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2023 so với Quý 2/2022 giảm 51.345.029.094 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 68.096.061.856 đồng là do Doanh thu hoạt động điện giảm 66.681.066.897 đồng so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân là do mực nước hồ đầu kỳ Quý 2/2023 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 là 1m (giảm 2%), lưu lượng nước về hồ bình quân Quý 2/2023 giảm 136,7m³/s (giảm 64%) dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 2/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022 là 35,5 triệu kWh (giảm 39%). Đồng thời, giá bán điện bình quân Quý 2/2023 là 614 đ/kWh giảm so với cùng kỳ năm 2022 do giá bán điện theo hợp đồng (Pc) giảm, sản lượng điện hợp đồng (Qc) tăng và sản lượng điện giao nhận giảm. Doanh thu hoạt động dịch vụ giảm 2.200.872.595 đồng (giảm 46%) so với cùng kỳ năm 2022 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 2/2023 giảm hơn so với cùng kỳ năm 2022. Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 534.510.128 đồng (tăng 13%) so với cùng kỳ năm 2022 do trong Quý 2/2023 Công ty phát sinh tăng doanh thu từ cổ tức được chia từ công ty con và các đơn vị nộp về. Doanh thu khác Quý 2/2023 tăng 251.367.508 đồng (tăng 66%) so với cùng kỳ năm 2022.

- Tổng chi phí Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 3.575.877.970 đồng (giảm 10%) so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sản lượng Quý 2/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 2/2023 giảm so với cùng kỳ năm 2022 và ảnh hưởng của một số chi phí thường xuyên khác.

- Thuế TNDN Quý 2/2023 so với cùng kỳ năm 2022 giảm 13.175.154.792 đồng (giảm 88%) so với cùng kỳ năm 2022. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 2/2023 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 2/2023 giảm là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 2/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

02
NG
PI
JY
LÁC
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 2 năm 2023



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Ngày 28 tháng 07 năm 2023

